TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HS-ST
Ngày 30-06-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đao Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sầm Văn Nưỡng

Ông Lầu A Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2025/TLST-HS ngày 18/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-HS ngày 15/6/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hờ A D; Sinh ngày 06/06/1987 tại huyện Tủa Ch, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản M 1, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông dân; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hờ A T1 (Đã chết) và bà Mùa Thị S (Sinh năm 1931); Có vợ là Thào Thị M (sinh năm 1988) và có 08 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, ngày 30/11/2012 bị Tòa án nhân dân Huyện M tỉnh Điện Biên xử phạt 16 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định của bản án, đã được xóa án tích; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/02/2025, tạm giam từ ngày 24/02/2025 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông Pờ Go Loòng. Sinh năm 1958. Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Bị hại:* Ông Vừ A Ph, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Bản Pá L, xã Chung C, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Giàng A T2, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Bản M 1, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Chị Thào Thị M, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản M 1, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

+ Ông Hàng A Kh, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản Nà Pán, xã M, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 15/02/2025 Hờ A D điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng, đen, biển kiểm soát 27A- 023.22 từ nhà ở bản M 1, xã M, Huyện M đi đến bản Cà Là P, xã Leng Su S, Huyện M, tỉnh Điện Biên tìm mua trâu nhưng không mua được. Hờ A D tiếp tục điều khiển máy đi đến bản Pá L, xã Chung C, Huyện M tìm hỏi mua trâu. Khi đến bản Pá L, Hờ A D nhìn thấy 01 con trâu cái khoảng 08 tuổi, lông màu đen, sừng dài khoảng 60cm đang ăn cỏ ở bãi chăn thả cách đường cái khoảng 100 mét. Do không thấy người trông coi nên Hờ A D nảy sinh ý định trộm cắp trâu để bán lấy tiền tiêu xài. D dựng xe máy ở ven đường, lấy từ trong cốp xe máy một đoạn dây thừng đi bộ tiến đến tiếp cận con trâu. D dùng dây thừng buộc mũi trâu rồi dắt con trâu đi ra khỏi bãi chăn thả đến chỗ cách vị trí để xe máy khoảng 10 mét, sau đó buộc con trâu vào một gốc cây rồi đi xe máy quay về nhà. Khoảng 23 giờ cùng ngày Hờ A D điều khiển xe máy lên vị trí trí cất giấu con trâu, sau khi kiểm tra thấy con trâu vẫn còn ở đó D quay trở về nhà. Khoảng 07 giờ sáng ngày 16/02/2025 Hờ A D gọi cho anh Giàng A T2 là người cùng bản chuyên chở hàng thuê để thuê T2 đi chở con trâu về với tiền công thỏa thuận là 500.000 (Năm trăm nghìn đồng). Hờ A D hẹn Giàng A T2 đợi ở khu vực sân vận động Huyện M, sau đó D để xe máy ở cạnh đường rồi lên xe ô tô tải biển kiểm soát 26H-005.37 của T2 đi lên bản Pá L. Khi đến chỗ cất giấu con trâu thì Giàng A T2 quay đầu xe còn Hờ A D đi bộ xuống dắt trâu lên xe. Sau đó cả hai đi xe ô tô quay về nhà, khi di chuyển được khoảng 40 mét thì bị Công an xã Chung C và tổ an ninh trật tự bản Pá L, xã Chung C kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 con trâu cái khoảng 08 năm tuổi, lông màu đen, hai sừng dài khoảng 60cm;

- Thu giữ của anh Giàng A T2: 01 ô tô tải màu xanh ghi cũ đã qua sử dụng, nhãn hiệu WAW, biển kiểm soát 26H-00537 (kèm theo chìa khóa xe); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 26H-005.37 mang tên Vàng A Cở; 01 giấy chứng nhận kiểm định số 1225747, số quản lý 2601D-007009; 01 giấy mua bán xe của Hạng A Khay và Vàng A Cở; 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng có mã số hiệu IT 17357319 là tiền công chở trâu nhận từ Hờ A D.

- Thu giữ của bị cáo Hờ A D: 01 xe máy nhãn hiệu Honda, số loại WAVE RSXFI, loại xe hai bánh từ 50-170 cm^3, số máy JA38E0276161, số khung RLHJA3825GY132188, dung tích xi lanh 109cm^3, biển kiểm soát 27AS- 023.22 (kèm theo chìa khóa xe, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 27003145 mang tên tên Hờ A D); 01 đoạn dây thừng màu vàng, đường kính 0,5cm, chiều dài 3,15m, dây cũ, đã qua sử dụng; 01 chiếc điện thoại cảm ứng màu vàng, nhãn hiệu OPPO AK17, kiểu máy CHP271, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐ ĐGTS ngày 21/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện M kết luận: 01 con trâu cái khoảng 08 năm tuổi, lông màu đen, hai sừng dài khoảng 60 cm có giá là 23.700.000 (hai mươi ba triệu bảy trăm nghìn) đồng tại thời điểm tháng 02 năm 2025.

Kết luận giám định số 200/KL-KTHS ngày 04/3/2025 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có mã số hiệu IT173573 gửi giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra đã làm rõ con trâu bị trộm cắp là tài sản của ông Vừ A Ph, sinh năm 1972, trú tại: Bản Pá L, xã Chung C, Huyện M, tỉnh Điện Biên. Đối với chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 26H-00537 cùng chìa khóa, các giấy tờ đăng ký, kiểm định, mua bán xe kèm theo là tài sản hợp pháp của ông Hàng A Kh (bố vợ của anh Giàng A T2). Ngày 25/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Huyện M đã trả lại các tài sản nêu trên cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe máy thu giữ của Hờ A D, qua điều tra đã làm rõ là tài sản chung của Hờ A D và vợ là Thào Thị M, chị M không biết việc Hờ A D điều khiển xe máy đi đến bản Pá L và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 28/3/2025 gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền công và chi phí tìm kiếm trâu 9.000.000 đồng cho ông Vừ A Ph, ông Ph đã nhận đủ số tiền bồi thường trên và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

Bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-MN ngày 18/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố Hờ A D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 19/5/2025 bị hại Vừ A Ph đã gửi đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hờ A D.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội: Trộm cắp tài sản về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 tháng 07 ngày tù đến 04 tháng tù, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 đối với bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng, tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động; tịch thu ½ giá trị xe máy thu giữ của Hờ A D (kèm theo chìa khóa xe, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 27003145 mang tên tên Hờ A D); Trả lại chị Thào Thị M ½ giá trị chiếc xe máy thu giữ của Hờ A D; Trả lại cho anh Giàng A T2 số tiền 500.000 đồng;

Về trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự chấp nhận sự tự nguyện của bị hại không yêu cầu bị cáo Hờ A D phải bồi thường khoản gì khác.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ

ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị hại Vừ A Ph vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra và theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông Ph thể hiện: Ông Ph đã nhận lại con trâu bị trộm cắp và nhận đủ tiền bồi thường chi phí thuê người đi tìm trâu. Về trách nhiệm dân sự ông Ph không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm chi phí gì khác. Về việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, ông Ph đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông Ph không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Giàng A T2 vắng mặt tại phiên tòa. Lời khai trong hồ sơ vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh T2 thể hiện: Anh đã khai báo toàn bộ sự việc tại cơ quan điều tra, anh T2 không biết con trâu mà D thuê chở là tài sản trộm cắp. Đối với số tiền 500.000 đồng bị thu giữ anh T2 có ý kiến đây là tiền công đã nhận theo thỏa thuận và bản thân anh T2 đã thực hiện đúng trách nhiệm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền này cho anh T2. Anh T2 không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hàng A Kh trình bày ý kiến: Chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu WAW, biển kiểm soát 26H-00537 là tài sản hợp pháp của ông Kh. Ông Kh đã nhận lại chiếc xe, không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thào Thị M có ý kiến: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại WAVE RSX FI, biển kiểm soát 27AS- 023.22 bị cáo Hờ A D sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của hai vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Chị M không biết Hờ A D sử dụng chiếc xe mô tô thực hiện hành vi phạm tội. Chị M không có ý kiến tranh luận với phần Luận tội của đại diện Viện kiểm sát về xử lý vật chứng là chiếc xe máy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị được nhận ½ giá trị chiếc xe mô tô là phần tài sản của chị. Chị M không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về hành vi và các Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nhất trí với Cáo trạng, lời luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử lý vật chứng, việc miễn án phí và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ và nhân thân, hoàn cảnh phạm tội để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo không có ý kiến bổ sung vào Bản Luận cứ bào chữa, không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị hại Vừ A Ph và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Giàng A T2:

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định. Trước khi mở phiên tòa ông Vừ A Ph và anh Giàng A T2 đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát đều nhất trí xét xử vắng mặt ông Vừ A Ph, anh Giàng A T2. Xét thấy hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, ý kiến của ông Vừ A Ph, anh Giàng A T2, sự vắng mặt của những người này tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt ông Vừ A Ph, anh Giàng A T2.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Ngày 15/02/2025 Hờ A D đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản khi chăn thả trâu để lén lút dắt trâu đi giấu khỏi sự quản lý của chủ sở hữu tài sản, sau đó dùng thủ đoạn thuê xe ô tô tải để chở trâu đi bán nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản, Kết luận giám định, Kết luận điều tra, Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, không có chứng cứ chứng minh bị cáo không phạm tội. Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi trộm cắp con trâu trị giá 23.700.000 đồng của Hờ A D đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…*"

Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội của địa phương. Xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm minh, phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính, bị tòa án kết tội 01 lần về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích). Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường số tiền chi phí đi tìm trâu 9.000.000 đồng cho bị

hại. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Trước khi mở phiên tòa, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về việp áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo: Từ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời hạn nhất định để bị cáo cải tạo bản thân đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên việc áp dụng hình phạt tù cũng phải thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã ăn năn, hối cải. Xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, hậu quả của hành vi phạm tội đã được khắc phục ngay và không gây thiệt hại về tài sản, trong thời gian bị cáo bị tạm giam (từ ngày 16/02/2025 cho đến nay) cũng đã đủ răn đe, giáo dục và giúp bị cáo nhận thức được hành vi vi pham pháp luật của mình. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, xử phạt bị cáo từ 03 tháng 07 ngày tù đến 04 tháng tù. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trên cơ sở mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Nhưng theo Biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra công an Huyện M cho thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, nghề nghiệp của bị cáo là nông nghiệp nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung (Bút lục số 111, 112). Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Vừ A Ph đã nhận lại tài sản bị mất và được gia đình bị cáo bồi thường số tiền chi phí cho việc tìm kiếm tài sản. Theo đơn xét xử vắng mặt, ông Vừ A Ph không có ý kiến, không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị hại không yêu cầu bị cáo Hờ A D phải bồi thường khoản gì khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 đoạn dây thừng màu vàng, đường kính 0,5cm, chiều dài 3,15m là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy và 01 chiếc điện thoại cảm ứng màu vàng, nhãn hiệu OPPO AK17, kiểu máy CHP271 là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, số loại WAVE RSXFI, loại xe hai bánh từ 50-170 cm^3, số máy JA38E0276161, số khung RLHJA3825GY132188, dung tích xi lanh 109cm^3, biển kiểm soát 27AS- 02322 (kèm theo giấy chứng nhận xe mô tô và chìa khóa): Xét thấy đây là tài sản chung của bị cáo Hờ A D và vợ Thào Thị M cùng đóng góp, tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Chị Thào Thị M không biết bị cáo sử dụng chiếc xe máy làm phương tiện phạm tội, chị M đã trình bày nguyện vọng đề nghị được nhận lại phần tài sản của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 4 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước ½ giá trị chiếc xe và trả lại cho chị Thào Thị M ½ giá trị chiếc xe.

Đối với 01 tờ tiền Việt Nam đồng mệnh giá 500.000 đồng có mã số hiệu IT 17357319 thu giữ của Giàng A T2: Xét thấy anh Giàng A T2 không biết mục đích bị cáo thuê xe để chở tài sản trộm cắp, anh T2 đã thực hiện đúng theo thỏa thuận chở thuê nên cần căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại số tiền 500.000 đồng cho anh Giàng A T2.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thào Thị M về việc xử lý đối với các vật chứng nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc trả lại các tài sản không liên quan đến vụ án của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Huyện M là đúng quy định, các chủ sở hữu hợp pháp gồm bị hại Vừ A Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hàng A Kh đã nhất trí nhận lại đủ tài sản, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo đã được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận (Bút lục số 112) và đã có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và bị cáo, người bào chữa về việc miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo, người bào chữa, bị hại, những người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hờ A D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hờ A D 03 (ba) tháng 07 (bảy) ngày tù. Thời hạn tù bằng thời gian bị cáo đã tạm giam, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội khác.

Quyết định tạm giam số 04/2025/QĐTG-HSST ngày 16/5/2025 của Tòa án nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên (tạm giam bị cáo Hờ A D từ ngày 18/5/2025 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm) hết hiệu lực kể từ ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm (ngày 23/5/2025).

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng 01 đoạn dây thừng màu vàng, đường kính 0,5cm, chiều dài 3,15m;

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại cảm ứng màu vàng, nhãn hiệu OPPO AK17, kiểu máy CHP271 và ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, số loại WAVE RSXFI, loại xe hai bánh từ 50-170 cm^3, số máy JA38E0276161, số khung RLHJA3825GY132188, dung tích xi lanh 109cm^3, biển kiểm soát 27AS- 02322 (kèm theo chìa khóa xe, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 27003145 mang tên tên Hờ A D);

- Trả lại cho chị Thào Thị M ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, số loại WAVE RSXFI, loại xe hai bánh từ 50-170 cm^3, số máy JA38E0276161, số khung RLHJA3825GY132188, dung tích xi lanh 109cm^3, biển kiểm soát 27AS-02322;

- Trả lại cho anh Giàng A T2 số tiền 500.000 đồng;

(Toàn bộ vật chứng của vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự Huyện M, tỉnh Điện Biên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2025).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị hại không yêu cầu bị cáo Hờ A Dờ phải bồi thường khoản gì khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo**:** Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hàng A Khay, Thào Thị M có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2025).

- Bị hại Vừ A Ph có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A T2 có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Phòng TT, KT &THA - TA Tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Huyện M;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện Nậm Pồ;
- Chi cục THA dân sự Huyện M;
- PC 10 (THAHS) Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đao Thị Bích Thảo